

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 422/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v Không công nhận  
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lưu Quang Vũ.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Ông Lê Viết Đức.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.**

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1398/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị A, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện Hóc Môn, TP HCM

Bị đơn : Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện Hóc Môn, TP HCM

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 09 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Phan Thị A trình bày:

Bà Phan Thị A và Ông Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu và tiến đến sống chung vào khoảng năm 1990, không có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn bà A và ông S phát sinh mâu thuẫn từ năm 1990 cho đến nay. Do ông S không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập bà A. Nay Bà Phan Thị A khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: có hai người con chung tên là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1995. cả hai người con chung đều đã trưởng nên bà Phan Thị A không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2020 và biên bản hòa giải ngày 12 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và Bà Phan Thị A tự nguyện tìm hiểu và quá trình chung sống từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn như Bà Phan Thị A đã trình bày.

Ông Sơn trình bày gia đình chung sống hạnh phúc từ năm 1990 đến năm 2018, từ năm 2018 cho đến nay mặc dù sống chung nhà nhưng không có sinh hoạt chung.

Nay Bà Phan Thị A yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng Ông Nguyễn Văn S không đồng ý vì còn thương vợ, con.

Về con chung: có hai người con chung tên là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1995 đã trưởng thành nên ông S không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, TP HCM không tham gia phiên tòa.

### **XÉT THẤY:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn S, ông Sơn có nơi cư trú tại ấp L, xã B, huyện Hóc Môn, TP HCM. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP HCM.

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Thị A và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên mối quan hệ này không được pháp luật công nhận.

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 09 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai ngày 12 tháng 4 năm 2021 bà Phan Thị A giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn S do quá trình chung sống ông S không chịu làm ăn, thường xuyên đánh đập bà A. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông S có mặt và xác nhận gia đình đang chung sống hạnh phúc nên không muốn ly hôn. Do Bà A, ông S không đăng ký kết hôn nên không thể giải quyết cho ly hôn; mà Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị A, ông Nguyễn Văn S là phù hợp với quy định tại Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Về con chung: có hai người con chung tên là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1995. Cả hai người con chung đều đã trưởng thành bà A, ông S không có ý kiến và yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 300. 000 đồng bà Phan Thị A phải chịu án phí theo quy định Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 9; Điều 14; Điều 16; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị A và ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: có hai người con chung tên là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/1995. Cả hai người con chung đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị A chịu 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được tính căn trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí do Bà Phan Thị A đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0077137 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, TP HCM.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Quang Vũ**